

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

HOÀNG THỊ HƯỜNG

**Pháp luật Quốc tế về chống biến đổi khí hậu và vấn đề
thực thi tại Việt Nam**

Chuyên ngành: Luật Quốc tế

Mã số: 60 38 60

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2010

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Lan Nguyên

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa
Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2010.

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

LỜI NÓI ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Biến đổi khí hậu đã và đang gây ra những ảnh hưởng xấu tới cả giới tự nhiên và con người. Trong bối cảnh và sự nhận thức đó, tháng 6/1992, tại Braxin, 162 quốc gia trong đó có Việt Nam đã ký công ước Khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (United Nations Framework

Convention on Climate Change - UNFCCC). Năm 1997, Nghị định thư Kyoto về giảm phát thải khí nhà kính cũng được đệ trình và đã có hiệu lực vào năm 2005. Trong đó các quốc gia công nghiệp đã cam kết giảm khí thải nhà kính trong khoảng thời gian đến năm 2012. Các nước đang phát triển và các nước công nghiệp mới có nền kinh tế phát triển nhanh chưa phải đưa ra cam kết tại Kyoto. Ngoài UNFCCC và Nghị định thư Kyoto, công ước Viên về bảo vệ tầng Ozôn (22/3/1985) và nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng Ozôn (16/9/1987) cũng có liên quan đến việc hạn chế những tác động tiêu cực gây biến đổi khí hậu.

Trước tình hình đó, ở Việt Nam, chống biến đổi khí hậu ngày nay đã trở thành một trong những chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước ta. Bằng những chính sách và biện pháp khác nhau, Nhà nước ta đang can thiệp mạnh mẽ vào các hoạt động của cá nhân, tổ chức trong xã hội để bảo vệ các yếu tố của khí hậu. Trong những biện pháp mà Nhà nước ta sử dụng trong lĩnh vực khác, pháp luật đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

Bởi những nguyên nhân nói trên, tôi cho rằng việc nghiên cứu đề tài: **"Pháp luật quốc tế về chống biến đổi khí hậu và vấn đề thực thi tại Việt Nam"** có ý nghĩa lý luận và thực tiễn khá lớn. Việc nghiên cứu đề tài này có thể góp phần hoàn thiện và nhìn nhận sâu sắc hơn nữa về vấn đề khí hậu, qua đó đóng góp cho phong phú hơn lý luận của khoa học Luật quốc tế về bảo vệ khí hậu toàn cầu.

2. Tình hình nghiên cứu:

Thực tế cho thấy, việc nghiên cứu pháp luật quốc tế về chống biến đổi khí hậu và việc thực thi pháp luật đó luôn là một nội dung thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu và quản lý ở hầu hết các quốc gia, dù đó là quốc gia phát triển hay quốc gia đang phát triển.

Đặc biệt, ở Việt Nam trong thời gian gần đây đã có nhiều tác giả và tập thể tác giả trong nghiên cứu về tác động tới khí hậu và các vấn đề pháp

lý về biến đổi khí hậu. Một số công trình có giá trị nghiên cứu về khung pháp luật về chống biến đổi khí hậu cũng đã được công bố rộng rãi, chẳng hạn, đề tài: Việc thực thi các cam kết của Việt Nam về biến đổi khí hậu – Lưu Ngọc Tố Tâm, “Nghiên cứu phân tích các kịch bản BĐKH toàn cầu, khu vực Đông Nam Á và các kịch bản ở Việt Nam” của Sở KH-CN TP HCM...

Mặc dù vậy, việc nghiên cứu, hệ thống hoá các nội dung chính yếu của pháp luật quốc tế về chống biến đổi khí hậu và vấn đề thực thi ở Việt Nam lại là một vấn đề khá mới. Bởi những lý do đó, việc tiến hành nghiên cứu một cách cơ bản, hệ thống vấn đề này là một hướng nghiên cứu thiết thực, mang tính cấp thiết.

3. Mục đích, ý nghĩa của việc nghiên cứu:

Đề tài nhằm mục đích thống nhất một số vấn đề lý luận và tiến triển của việc thực thi pháp luật quốc tế về biến đổi khí hậu mà Việt Nam đã tham gia trong thời gian qua trên cơ sở xác định những luận cứ khoa học làm tiền đề cho việc đảm bảo thi hành các cam kết quốc tế đó.

4. Đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu: Trước hết, luận văn sẽ làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn của pháp luật về chống biến đổi khí hậu toàn cầu nói chung và khí hậu Việt Nam nói riêng, đồng thời đưa ra một số kiến nghị cho việc hoàn thiện pháp luật thực định cũng như thúc đẩy thực thi những quy định này trong công tác bảo vệ khí hậu hiện nay.
- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu một số vấn đề mang tính cơ bản nhất của lý luận Luật quốc tế về chống biến đổi khí hậu. Việc nghiên cứu được giới hạn ở một số điều ước quốc tế cơ bản về chống biến đổi khí hậu mà Việt Nam đã ký kết tham gia trong thời gian qua.

- Phương pháp nghiêm cứu: Luận văn sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp, thống kê; phương pháp kế thừa có chọn lọc, phương pháp khảo sát thực tế, đồng thời so sánh đối chiếu các quy phạm thực định về chống biến đổi khí hậu Việt Nam với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết nói riêng và pháp luật quốc tế về bảo vệ khí hậu nói chung.

5. Kết cấu của luận văn:

Ngoài các phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn có 3 chương sau đây:

Chương 1: Những vấn đề chung về Biến đổi khí hậu

Chương 2: Một số Điều ước quốc tế cơ bản về biến đổi khí hậu và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật quốc tế về chống biến đổi khí hậu và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam.

CHƯƠNG 1

CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1.1. Biến đổi khí hậu.

1.1.1. Khái niệm chung về biến đổi khí hậu.

a. Khí hậu.

Khí hậu thường được định nghĩa là trung bình của thời tiết trong một khoảng thời gian và không gian nhất định (tức là ở mức độ trung bình của các yếu tố của thời tiết, thường là 30 năm). Có những năm yếu tố chủ yếu để hình thành một chế độ khí hậu đó là: bức xạ mặt trời, nhiệt, độ ẩm, hoàn lưu (gió) và vị trí địa lý, địa hình, mặt đệm. Những yếu tố này không tách rời nhau. Khi khí hậu có sự thay đổi thì năm yếu tố trên cũng thay đổi theo.

Thời tiết là trạng thái khí quyển tại một địa điểm nhất định được xác định bằng tổ hợp các yếu tố: nhiệt độ, áp suất, độ ẩm, tốc độ gió, mưa...

Khí quyển là bầu không khí bao quanh trái đất. Nó chứa nhiều loại chất khí và các phân tử của nhiều chất khác.

b. Biến đổi khí hậu.

Biến đổi khí hậu là sự biến đổi trạng thái của khí hậu so với trung bình hoặc dao động của khí hậu duy trì trong một khoảng thời gian dài, thường là vài thập kỷ hoặc dài hơn.

Dưới góc độ pháp lý quốc tế, *biến đổi khí hậu* nghĩa là *biến đổi của khí hậu được quy trực tiếp hoặc gián tiếp cho hoạt động của con người làm thay đổi thành phần của khí quyển toàn cầu và sự thay đổi này được cộng thêm vào khả năng biến động tự nhiên của khí hậu quan sát được trong những thời kỳ có thể so sánh được* (Khoản 2 - Điều 1 Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu 6/1992).

1.1.2. Nguyên nhân của biến đổi khí hậu.

Theo các nghiên cứu khoa học biến đổi khí hậu xảy ra do hai nguyên nhân sau:

a. Quá trình vận động của tự nhiên.

Tài liệu địa chất cho thấy đã có những biến đổi sâu sắc trong khí hậu xảy ra trong quá khứ. Những biến đổi này xảy ra từ khi con người còn chưa xuất hiện. Nếu coi khí quyển, đại dương và bề mặt trái đất như là những nhân tố bên trong của hệ thống khí hậu, thì những nhân tố trong

lòng trái đất và bên ngoài trái đất là nhân tố bên ngoài của hệ thống khí hậu. Bởi vậy, sự biến đổi của các nhân tố này sẽ làm khí hậu thay đổi theo.

Mặt khác, trong quá trình tiến hóa và phát triển, sự thối rữa của xác động vật và thực vật chết ở tự nhiên cũng thải ra các chất khí gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới sự vận động các yếu tố khí hậu.

a. Tác động của con người.

Con người nhằm phục vụ sự phát triển sản xuất cũng như các nhu cầu ngày càng cao của mình đã và đang góp phần chủ yếu vào quá trình biến đổi khí hậu. Quá trình công nghiệp hóa, sự tăng nhanh của số lượng các phương tiện giao thông vận tải, sự phát triển của ngành công nghiệp khai thác, việc sử dụng các nguyên liệu hóa thạch để tạo ra năng lượng, sự thiêu đốt các chất thải sinh hoạt, sự tích lũy ngày càng nhiều các chất thải công nghiệp... là các tác nhân gây ra sự biến đổi khí hậu ngày nay.

1.1.3. Hậu quả của biến đổi khí hậu.

a. Đối với thế giới.

Biến đổi khí hậu đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng tới tự nhiên và con người, khí hậu trái đất đã ổn định tương đối kể từ thời đại băng hà cuối cùng (trong suốt 10.000 năm qua). Từ khi con người quan tâm đến nhiệt độ trái đất và bắt đầu có các số liệu quan trắc, thì hiện nay là giai đoạn đang có những nhiệt độ cao nhất trong lịch sử. Trong khoảng thời gian một thế kỷ trở lại đây, nhiệt độ trái đất đã tăng 0,74⁰C với một tốc độ gia tăng chưa từng có

Băng tan và nước biển dâng là một trong những biểu hiện rõ nét và rất nguy hiểm của biến đổi khí hậu ngày nay.

Lỗ thủng tầng Ôzôn cũng là một vấn đề đáng lo ngại khác.

b. Đối với Việt Nam.

- Thực trạng biến đổi khí hậu ở Việt Nam:

Theo số liệu quan trắc, biến đổi của các yếu tố khí hậu ở Việt Nam có những điểm đáng lưu ý sau:

- *Nhiệt độ*: Trong khoảng 50 năm qua (1951-2000), nhiệt độ trung bình năm ở Việt Nam đã tăng lên 0,7°C.

- *Lượng mưa*: Trên từng địa điểm, xu thế biến đổi của lượng mưa trung bình năm trong 9 thập kỷ vừa qua (1911-2000) không rõ rệt theo các thời kỳ và trên các vùng khác nhau: có giai đoạn tăng lên và có giai đoạn giảm xuống.

- *Mức nước biển*: Theo số liệu quan trắc trong khoảng 50 năm qua ở các trạm Cửa Ông và Hòn Dấu, mực nước biển trung bình đã tăng lên khoảng 20 cm, phù hợp với xu thế chung của toàn cầu.

- *Bão*: Vào những năm gần đây, số cơn bão có cường độ mạnh nhiều hơn, quỹ đạo bão dịch chuyển dần về các vĩ độ phía nam và mùa bão kết thúc muộn hơn, nhiều cơn bão có quỹ đạo di chuyển dị thường hơn.

- Xu thế biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

- Nhiệt độ trung bình ở Việt Nam có thể tăng lên 3°C vào năm 2100.

- Lượng mưa có xu thế biến đổi không đồng đều giữa các vùng có thể tăng (từ 0% đến 105) vào mùa mưa và giảm (từ 0% đến 5%) vào mùa khô. Tính biến động của mưa tăng lên.

- Mực nước biển trung bình trên toàn dải bờ biển Việt Nam có thể dâng lên 1 m vào năm 2100.

1.2. Pháp luật quốc tế về chống biến đổi khí hậu.

1.2.1. Sự cần thiết phải điều chỉnh vấn đề biến đổi khí hậu trong luật pháp quốc tế.

Biến đổi khí hậu là vấn đề của toàn xã hội. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới mọi quốc gia không phân biệt đó là quốc gia phát triển, đang phát triển hay chậm phát triển. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng của nó đến các quốc gia cũng có sự khác nhau. Các quốc gia đang phát triển và chậm phát

triển có lẽ sẽ chịu ảnh hưởng nhiều hơn do biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp tới nền kinh tế của họ và trình độ khoa học kỹ thuật còn chưa cao nên việc thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu sẽ gặp nhiều khó khăn. Do đó, các quốc gia cần phải có sự hợp tác và chia sẻ với nhau để cùng giải quyết các vấn đề này.

1.2.2. Sự phát triển của luật pháp quốc tế về biến đổi khí hậu.

Khoảng cuối những năm 1960, nhằm giải quyết những vấn đề toàn cầu về biến đổi khí hậu, các quốc gia cũng như cộng đồng quốc tế đều nhận thấy cần phải có những hành động thiết thực để loại bỏ các nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu bất thường. Những thỏa thuận quốc tế có liên quan đến biến đổi khí hậu đã được ký kết. Khởi đầu là vào năm 1979, theo đề xuất của các nước Bắc Âu và dưới sự bảo trợ của Ủy ban kinh tế Liên hợp quốc về Châu Âu, Công ước chống gây ô nhiễm không khí qua biên giới tầm xa đã được các nước Châu Âu ký kết. Năm 1985, hai nghị định thư ban hành kèm theo Công ước này cũng đã được thông qua. Sau đó là Công ước viên về bảo vệ tầng Ôzôn (1985), Nghị định Montreal 1987 về các chất làm suy giảm tầng Ôzôn (được bổ sung năm 1990). Đến năm 1988, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã chính thức thông qua Nghị quyết số 43/53, thừa nhận sự biến đổi khí hậu là một vấn đề thực sự cần sự quan tâm của cả nhân loại. Cũng trong năm đó, Chương trình môi trường của Liên hợp quốc (UNEP) và Tổ chức khí tượng thế giới (WMO) đã thành lập nhóm chuyên gia Liên chính phủ để nghiên cứu sự biến đổi khí hậu (IPCC), đánh giá mức độ ảnh hưởng có thể có đối với toàn cầu và đề ra chiến lược đối phó với hiện tượng này. Đến năm 1990, IPCC đã xuất bản báo cáo kết luận rằng sự tích tụ của khí nhà kính dẫn đến nhiệt độ trung bình bề mặt trái đất nóng lên trong thế kỷ sau. Báo cáo cũng khẳng định biến đổi khí hậu là mối đe dọa toàn cầu và kêu gọi cần phải có điều ước quốc tế nhằm giải quyết vấn đề này. Cuối năm 1990, Hội nghị khí hậu thế

giới cũng đưa ra lời kêu gọi tương tự. Người ta thấy rằng cần phải đi đến một thỏa thuận quốc tế để phối hợp hành động của các quốc gia để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu.

Tuy nhiên, phải đến năm 1991, trong Hội nghị thượng đỉnh trái đất về bảo vệ môi trường tại Riô - De Janeirô, Công ước khung về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc mới chính thức ra đời. Để triển khai thực hiện công ước, tại Hội nghị các bên lần thứ 3 (COP3) tổ chức vào tháng 12 năm 1997, Nghị định thư Kyoto đã được đưa ra.. Sau đó, nhằm xây dựng một điều ước quốc tế mới thay thế Nghị định thư Kyoto sẽ hết hiệu lực vào năm 2012, Hội nghị các bên của Công ước lần thứ 13 tại Bali đã thông qua lộ trình Bali để hướng tới việc thông qua một điều ước quốc tế mới thay thế nghị định thư Kyoto vào Hội nghị các bên lần thứ 15 tại Copenhagen, Đan Mạch. Tại hội nghị này, việc một điều ước quốc tế mới có tính pháp lý ràng buộc các bên đã không được thông qua. Các quốc gia chỉ đạt được một thỏa thuận (Hiệp ước Copenhagen - Copenhagen Accord) mang tính chính trị thuần túy và được các nhà lãnh đạo tham dự hội nghị thừa nhận là không đủ mạnh để ngăn chặn trái đất nóng lên. Việc xây dựng một điều ước quốc tế mới thay thế Nghị định thư Kyoto sẽ được các nước tiếp tục đàm phán trong các hội nghị lần sau.

CHƯƠNG 2

MỘT SỐ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CƠ BẢN VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM

2.1. Các điều ước quốc tế về biến đổi khí hậu.

2.1.1. Công ước Viên về bảo vệ tầng Ôzôn.

Ôzôn là lớp khí quyển mỏng, chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong thành phần không khí bao quanh quả đất. Các nhà khoa học tính rằng cứ 10 triệu phân

tử không khí, trung bình chỉ có ba phân tử Ôzôn. Với cố gắng của các quốc gia, sau nhiều năm đàm phán căng thẳng, tháng 3-1985, Công ước Viên về bảo vệ tầng ôzôn đã được 21 quốc gia đầu tiên hưởng ứng ký kết. Năm 1987, Nghị định thư Montreal được ký kết, đến nay có 189 nước thành viên, nhằm cụ thể hóa các giải pháp và những cam kết của các bên Công ước Viên, bảo đảm cho công ước được thi hành có hiệu quả.

Công ước đã được các bên nhất trí đi đến một số nội dung sau:

- Các quốc gia phải có những biện pháp thích hợp để bảo vệ sức khỏe con người và môi trường chống lại những ảnh hưởng có hại phát sinh hoặc dễ phát sinh từ những hoạt động của con người. Các biện pháp được nhấn mạnh là ngăn ngừa để kiểm soát cữnh như hạn chế việc sử dụng một số loại hóa chất hay khí có thể làm suy giảm tầng Ôzôn

- Các bên tham gia Công ước, khi thích hợp và phù hợp với các Công ước phải đảm nhiệm, hợp tác bằng các quan trắc có hệ thống; nghiên cứu, trao đổi thông tin để hiểu rõ và đánh giá tốt hơn những ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường do biến đổi tầng Ôzôn

- Ngoài ra, Công ước cũng nhấn mạnh trách nhiệm của các nước phát triển trong việc khắc phục những hậu quả của việc suy giảm tầng Ôzôn bởi những quốc gia này chính là thủ phạm chủ yếu của việc hủy hoại tài nguyên và thải các chất độc hại trong quá trình phát triển kinh tế của họ từ nhiều thập niên trước.

2.1.2. Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng Ôzôn.

Nhằm thực hiện Công ước Viên một cách có hiệu quả hơn, hai năm sau đó, Nghị định thư Montreal 1987 về các chất làm suy giảm tầng Ôzôn đã được ký kết. Nghị định thư đặt ra mục tiêu cắt giảm hoàn toàn việc sản xuất và tiêu thụ CFC_s (chất làm suy giảm tầng Ôzôn) vào 01/01/2010 và từ ngày 01/01/2010 sẽ tiến hành cắt giảm HCFC (chất tạm thời thay thế CFC_s).

Nghị định thư Montreal được sửa đổi nhằm tăng cường kế hoạch loại trừ các chất ODS (chất gây phá hủy tầng Ôzôn) theo từng giai đoạn, theo nguyên tắc không gây thiệt hại cho người tiêu dùng trong việc cắt giảm các chất ODS.

2.1.3. Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

Hiện tượng biến đổi khí hậu ngày nay có nguồn gốc từ việc phát thải quá mức khí nhà kính do các hoạt động kinh tế, xã hội của con người vào khí quyển. Nhằm ngăn chặn và hạn chế biến đổi khí hậu cũng như hậu quả của nó, tại Hội nghị Thượng đỉnh của Liên hợp quốc về môi trường và phát triển họp tại Riô De Janeirô, Brazil tháng 6 năm 1992, 162 quốc gia trong đó có Việt Nam đã ký kết Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Khác với công ước bảo vệ tầng ôzôn, Công ước này không đưa ra quy định sáng lập một danh sách cụ thể các loại chất ô nhiễm và thời hạn đình chỉ hoặc giảm bớt việc sản xuất hay thải các chất này vào khí quyển. Công ước khung về biến đổi khí hậu chỉ chủ yếu nhấn mạnh đến các nguyên tắc và nghĩa vụ chung của các quốc gia thành viên trong việc ngăn ngừa hiện tượng nóng lên của Trái đất.

Mục đích của Công ước là nhằm đạt được sự ổn định các nồng độ khí nhà kính trong khí quyển ở mức có thể, ngăn ngừa được sự can thiệp nguy hiểm của con người đối với hệ thống khí hậu, nhằm bảo vệ hệ thống khí cho thế hệ hôm nay và mai sau của nhân loại.

Để đạt được mục tiêu của mình, Công ước đã đặt ra một số các nguyên tắc mà các bên phải tham gia. Theo đó, việc bảo vệ hệ thống khí hậu phải được tiến hành trên cơ sở công bằng và phù hợp với những trách nhiệm chung nhưng có phân biệt. Công ước cũng nhấn mạnh đến trách nhiệm của các nước phát triển có tính đến hoàn cảnh của các nước đang phát triển vì hầu hết khí thải nhà kính đều phát thải ra từ các nước này. Công ước yêu cầu các quốc gia phải đẩy mạnh phát triển bền vững, thực

hiện các biện pháp để ngăn ngừa và giảm thiểu các ảnh hưởng xấu của biến đổi khí hậu, hợp tác để đẩy mạnh một hệ thống kinh tế quốc tế mở cửa và tương trợ nhằm hướng tới sự phát triển và tăng trưởng kinh tế bền vững ở tất cả các bên, đặc biệt là các bên là nước đang phát triển.

2.1.4. Nghị định thư Kyoto về giảm phát thải khí nhà kính.

Nhằm triển khai thực hiện Công ước, tại Hội nghị các bên lần thứ III tổ chức vào tháng 12 năm 1997, Nghị định thư Kyoto đã được đệ trình. Tuy nhiên, do một số nước có lượng phát thải khí nhà kính lớn (Hoa Kỳ, Úc...) phản đối nên Nghị định thư chưa có hiệu lực trong thế kỷ 20. Bước sang thế kỷ XXI, với sự phê chuẩn của nước Nga vào tháng 10 năm 2004,

Nghị định thư Kyoto là một cam kết được tiến hành dựa trên các nguyên tắc của Chương trình khung của Liên hiệp quốc về vấn đề biến đổi khí hậu. Trong đó những quốc gia tham gia kí kết phải chấp nhận việc cắt giảm khí CO₂ và năm loại khí gây hiệu ứng nhà kính khác, hoặc có thể tiến hành biện pháp thay thế như Emission trading nếu không muốn đáp ứng yêu cầu đó.

2.1.5. Thỏa thuận của Hội nghị thượng đỉnh Liên hiệp quốc về biến đổi khí hậu tại Copenhaghen, Đan Mạch:

Ngày 7/12/2009, hội nghị lớn và quan trọng nhất trong lịch sử của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 15 (COP 15) đã khai mạc tại Copenhagen, Đan Mạch.

Sáng ngày 19/12/2009, các đại biểu tham dự hội nghị thượng đỉnh Liên hiệp quốc về biến đổi khí hậu đã "*ghi nhận*" bản Thỏa thuận Copenhagen. Thỏa thuận này đã được lãnh đạo 28 quốc gia công nghiệp phát triển và quốc gia đang trỗi dậy thông qua vào tối ngày 18/12. "*Ghi nhận*" là một từ ngữ không có tính chất bó buộc về mặt pháp lý và chính trị so với việc thông qua bằng sự đồng thuận. Nhờ thủ tục đặc biệt này mà bản Thỏa thuận Copenhagen vẫn có hiệu lực mà không cần được toàn thể các nước tham gia thông qua, một khả

năng không thể xảy ra do bất đồng giữa các nước đang phát triển tại hội nghị Copenhagen.

2. 2. Vấn đề thực thi các điều ước quốc tế về chống biến đổi khí hậu.

2.2.1. Trên bình diện quốc tế.

a. Các mục tiêu và vấn đề đã giải quyết được.

Công ước Viên về bảo vệ tầng Ôzôn và Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng Ôzôn được coi là những điều ước quốc tế thành công nhất trong lĩnh vực môi trường. Nghị định thư Montreal đã đạt được sự đồng thuận và tham gia của 100% các quốc gia trên thế giới. Bên cạnh đó, Nghị định cũng được tất cả các ngành, tập đoàn công nghiệp và người dân toàn cầu ủng hộ.

Nghị định thư Kyoto là một văn bản pháp lý quốc tế đánh dấu bước tiến đầu tiên của thế giới nhằm hạn chế lượng khí nhà kính do con người thải ra, nguyên nhân chính dẫn tới biến đổi khí hậu ngày nay. Đến nay đã có khoảng hơn 180 quốc gia trên thế giới phê chuẩn Nghị định thư.

Nhằm thực hiện mục tiêu của Nghị định thư Kyoto, các quốc gia trên thế giới đã có nhiều cố gắng trong việc hạn chế phát thải lượng khí nhà kính của mình.

b. Vấn đề còn tồn tại:

Mặc dù được hơn 180 nước phê chuẩn, nhưng trên thực tế Nghị định thư Kyôto chỉ áp dụng đối với hơn 35 nước công nghiệp phát triển. Các nước này phải thực hiện cam kết giảm bớt hoặc hạn chế phát thải sáu loại khí, chủ yếu là Cácbon dioxit thải ra do đốt than hoặc sản xuất dầu. Nghị định thư quy định trong giai đoạn từ năm 2008 đến 2010, các nước công nghiệp phát triển có nghĩa vụ cắt giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính mức thấp hơn 5,2% so với mức phát thải năm 1990.

2.2.2. *Vấn đề thực thi các Điều ước quốc tế về chống biến đổi khí hậu của Việt Nam.*

a. Các vấn đề thực hiện được.

Thực hiện Công ước Viên và Nghị định thư Montreal về bảo vệ tầng Ôzôn, sau 15 năm thực hiện, Việt Nam đã loại bỏ thành công các chất gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tầng Ôzôn, như: CFC, halon và CTC

Thực hiện Nghị định thư Montreal, Việt Nam đang triển khai đồng bộ các biện pháp kỹ thuật và chính sách để bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của Nghị định thư về loại trừ hoàn toàn các chất CFC, halon và CTC từ ngày 1/1/2010.

Đối với Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyôto, Việt Nam đã có nhiều chính sách và biện pháp để thực hiện và đã đạt được những kết quả nhất định.

b. Các vấn đề còn tồn tại.

Việt Nam là một nước đang phát triển nên việc phát triển kinh tế - xã hội luôn là mục tiêu hàng đầu. Chính vì vậy, các vấn đề về môi trường trong đó có biến đổi khí hậu chưa được sự quan tâm đúng mức của Chính phủ và người dân. Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu đã gây ra những ảnh hưởng rõ nét tới nước ta, do vậy vấn đề này đã bắt đầu được chú ý trong thời gian gần đây.

Để chống biến đổi khí hậu, thích nghi và ứng phó với những ảnh hưởng xấu của nó, các quốc gia cần phải áp dụng các công nghệ sạch, khoa học kỹ thuật tiên tiến cũng như chi phí những khoản tài chính lớn. Điều này là thách thức không nhỏ đối với Việt Nam.

2.3. Nỗ lực của thế giới nhằm xây dựng các điều ước quốc tế mới về biến đổi khí hậu.

2.3.1. *Nỗ lực chung của thế giới.*

Bước sang thế kỉ XXI, biến đổi khí hậu là vấn đề nóng của toàn thế giới. Các quốc gia đã đẩy mạnh việc xây dựng nhằm hoàn thiện các quy phạm pháp luật quốc tế về biến đổi khí hậu cũng như thúc đẩy để Nghị định thư Kyôto có hiệu lực. Với những nỗ lực to lớn của cộng đồng quốc tế, đến ngày 16 tháng 2 năm 2005, Nghị định thư Kyoto đã có hiệu lực sau khi được Liên bang Nga phê chuẩn. Như vậy, gần một thập kỷ sau khi Nghị định thư Kyoto được thông qua, cộng đồng quốc tế mới đi được bước đầu tiên nhằm hạn chế bớt mức phát thải khí nhà kính, một trong những nguyên nhân gây nên biến đổi khí hậu. Để thực sự đối phó với vấn đề biến đổi khí hậu, bên cạnh việc triển khai thực hiện các quy định của Nghị định thư Kyoto cho đến năm 2012 thì cộng đồng quốc tế phải tiến hành xây dựng một thoả thuận toàn cầu mới thay thế cho Nghị định thư Kyoto vào những năm sau đó.

2.3.2. Đóng góp của Việt Nam.

Kể từ khi gia nhập các điều ước quốc tế về biến đổi khí hậu, Việt Nam đã tích cực tham gia các chương trình thảo luận, các hội nghị quốc tế về biến đổi khí hậu và đã có những đề xuất được đánh giá cao.

Tại Hội nghị Copenhagen được tổ chức gần đây, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng và đoàn đại biểu cấp cao Chính phủ Việt Nam tham gia Hội nghị với mục tiêu phối hợp chặt chẽ với cộng đồng quốc tế trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu toàn cầu. Được trình bày thứ 5 năm tổng số hơn 150 bài tại Hội nghị, bài phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã được các nước đồng tình và chia sẻ, bởi đã góp phần giúp các nước phát triển và đang phát triển xích lại gần nhau hơn, Thủ tướng kêu gọi các nước phát triển có cam kết cụ thể về lượng khí phát thải, hỗ trợ kinh phí giúp các nước đang phát triển nâng cao năng lực chống biến đổi khí hậu. Đồng thời, Thủ tướng cũng đề nghị các nước đang phát triển phải có chương trình hành động quốc gia để chống biến đổi khí hậu bền vững.

Trong khuôn khổ hội nghị, Việt Nam cũng đã tổ chức hơn 30 cuộc tiếp xúc song phương và đa phương nhằm tranh thủ sự hỗ trợ, kêu gọi đầu tư của các nước vào Việt Nam trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu.

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ CHỐNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện luật pháp quốc tế về chống biến đổi khí hậu.

Trong thế kỷ XXI, mục tiêu mà thế giới hướng tới đó là loại bỏ hoàn toàn các chất gây suy giảm tầng Ôzôn, giữ nhiệt độ trái đất tăng không quá 2°C bằng cách cắt giảm lượng phát thải khí nhà kính xuống mức thích hợp. Để đạt được điều này, các quốc gia cần phải nỗ lực hết sức mình nhằm thực thi các thoả thuận quốc tế đã đạt được cũng như xây dựng các điều ước quốc tế mới nhằm hạn chế lượng khí nhà kính do con người phát thải ra.

Về vấn đề loại bỏ các chất gây suy giảm tầng Ôzôn, với Công ước Viên và Nghị định thư Montreal, các quốc gia đã có một khung pháp lý tương đối hoàn chỉnh về vấn đề này và các điều ước quốc tế này đã được các quốc gia thực hiện khá tốt.

Sự nóng lên của trái đất gây nên biến đổi khí hậu là một trong những vấn đề được cộng đồng quốc tế thế giới quan tâm nhất trong thế kỷ XXI. Công ước Khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto đã tạo ra một khung pháp lý cơ bản điều chỉnh vấn đề này. Tuy nhiên như vậy là chưa đủ, mỗi năm chúng ta phóng thích gần 7 tỷ tấn cacbon vào khí quyển, nơi mà nó sẽ lưu lại khoảng 1 thế kỷ, làm tăng hàm lượng khí CO₂ trong khí quyển và làm bức xạ nhiệt mặt trời bị giữ lại nhiều hơn.

3.2. Một số kiến nghị cụ thể.

3.2.1. Đảm bảo việc thực thi các quy định hiện hành của luật pháp quốc tế về chống biến đổi khí hậu.

Để đạt được những mục tiêu mà các điều ước quốc tế hiện nay về biến đổi khí hậu đề ra cũng như đặt nền tảng cho việc xây dựng và thực hiện các thoả thuận quốc tế trong tương lai, các quốc gia cần có những chính sách và biện pháp để thực hiện tốt các điều ước đó.

Nghị định thư Montreal đã bắt đầu bước sang giai đoạn tiếp theo, tiến hành loại trừ HCFCs. Theo lịch trình mà các quốc gia đã thống nhất, các chất HCFCs sẽ được loại trừ cơ bản vào năm 2040. Để thực hiện điều này, cộng đồng thế giới cần thực hiện các biện pháp cụ thể

Đến năm 2012 Nghị định thư Kyoto sẽ hết hiệu lực, tức là chúng ta đã đi được một nửa chặng đường, tuy nhiên việc thực thi Nghị định thư chưa đạt được nhiều kết quả. Do đó, để có thể đạt được mục tiêu mà Nghị định thư hướng tới các quốc gia trên thế giới cần phải nỗ lực hết mình. Để làm được điều này, các quốc gia cần thực hiện một số biện pháp như:

- Cộng đồng quốc tế cần tiếp tục gây sức ép để Hoa Kỳ (quốc gia có lượng phát thải khí nhà kính lớn nhất thế giới vẫn phản đối Nghị định thư Kyôto) phải có biện pháp, cam kết cắt giảm lượng phát thải khí nhà kính.

- Các quốc gia đang phát triển cũng cần có biện pháp cắt giảm lượng phát thải khí nhà kính mà mình thải ra hàng năm.

- Các quốc gia, các doanh nghiệp cần tích cực thực hiện các cơ chế mà Nghị định thư Kyôto đã quy định (JT, ET và CDM) để có thể giảm lượng nhà kính nhằm đạt được mục tiêu mà Nghị định thư đề ra.

3.2.2. Xây dựng điều ước quốc tế mới thay thế Nghị định thư Kyoto – Nhiệm vụ cấp bách hiện nay.

Với cộng đồng quốc tế: Biến đổi khí hậu đã và đang mang đến những ảnh hưởng to lớn tới con người và tự nhiên. Do vậy mỗi người dân phải tích cực tham gia vào chống biến đổi khí hậu thông qua các hành động thực tế của mình. Cộng đồng quốc tế, các nhà hoạt động môi trường, các tổ chức quốc tế cũng như các nhà khoa học cần gây sức ép để Chính phủ mỗi quốc gia phải tham gia tích cực hơn vào việc đàm phán nhằm xây dựng thoả thuận mới thay thế Nghị định thư Kyoto.

Với các quốc gia: Các quốc gia cần quyết tâm hơn trong việc xây dựng thoả thuận quốc tế mới. Các nhóm nước cần phải có sự nhượng bộ

cần thiết cũng như chấp nhận những thiệt hại ban đầu về kinh tế để cắt giảm lượng khí nhà kính vì tương lai của hành tinh này.

Về nội dung thoả thuận quốc tế mới:

- Thoả thuận mới cần được xây dựng trên cơ sở nguyên tắc “trách nhiệm chung nhưng có sự phân biệt” đã có trong Nghị định thư Kyoto.

- Đối với các chỉ tiêu giảm thải, các quốc gia phát triển cần có cam kết để cắt giảm hơn nữa lượng khí nhà kính thải ra.

- Thoả thuận quốc tế mới cần xây dựng cơ chế tài chính và chuyển giao công nghệ hiệu quả để giúp các nước đang phát triển, kém phát triển có thể được hỗ trợ về tài chính nhằm thích nghi, ứng phó với biến đổi khí hậu và tiếp cận được các công nghệ sạch, nguồn năng lượng sạch.

- Các cơ chế đã được quy định trong Nghị định thư Kyoto (JT, ET và CDM) cần được tiếp tục duy trì và hoàn thiện hơn trong thoả thuận mới

3.3. Các vấn đề đặt ra đối với Việt Nam.

- Nâng cao nhận thức biến đổi khí hậu rõ ràng là hoạt động cần ưu tiên hàng đầu phải làm ngay và được làm một cách có hệ thống đối với mọi tầng lớp trong xã hội.

- Việt Nam cần chủ động hình thành một chiến lược thích nghi với tình trạng biến đổi khí hậu của trái đất.

- Việt Nam phải phối hợp với các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước có thể bị tác động mạnh bởi biến đổi khí hậu, đấu tranh yêu cầu các nước công nghiệp phát triển và các nước phát thải lượng lớn các khí gây hiệu ứng nhà kính

- Nghiêm chỉnh thực thi các nghĩa vụ pháp lý trong Công ước Viên bảo vệ tầng Ôzôn, Nghị định thư Montreal, Công ước Khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Nghị định thư Kyoto và những điều ước quốc tế về biến đổi khí hậu mà ta và sẽ ký kết hoặc tham

- Tích cực tham gia tiến trình xây dựng thoả thuận toàn cầu mới về biến đổi khí hậu thay thế cho Nghị định thư Kyoto sau năm 2012.
Để khắc phục những tồn tại kể trên, trong thời gian tới cần ưu tiên tiến hành rà soát, sửa đổi và đề nghị bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật cần thiết nhằm thúc đẩy các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu

KẾT LUẬN

Biến đổi khí hậu đòi hỏi nhân loại phải đưa ra sự lựa chọn dứt khoát. Chỉ bằng cách hành động hết sức khẩn trương, chúng ta mới có thể tránh

được tình trạng thoái lui sự nghiệp phát triển con người thế kỷ XXI và các nguy cơ xảy ra thảm họa cho các thế hệ mai sau. Song tinh thần khẩn trương đó vẫn chưa có.

Nhận thức được điều này, cộng đồng quốc tế đã cũng như bản thân mỗi quốc gia đã có những hành động nhất định nhằm hạn chế những tác động của con người dẫn tới sự thay đổi khí hậu. Công ước Viên về bảo vệ tầng Ôzôn, Nghị định thư Montreal, Công ước Khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu, Nghị định thư Kyoto là nền tảng để các quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu. Nhưng đó mới chỉ là những bước đi đầu tiên của cộng đồng quốc tế trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu đầy cam go và kéo dài. Bên cạnh đó, sự thiếu hợp tác giữa các quốc gia trong việc thực thi và xây dựng các thoả thuận quốc tế về biến đổi khí hậu chính là rào cản lớn trong cuộc chiến này mà cộng đồng quốc tế cần vượt qua. Chỉ có chung tay hợp tác để xây dựng một hệ thống pháp luật quốc tế hoàn thiện về biến đổi khí hậu cũng như thực thi các quy định ấy một cách hiệu quả thì các quốc gia mới có thể giành chiến thắng trong cuộc chiến này và trái đất mới mãi là ngôi nhà xanh của chúng ta, những thành công nhất định của Công ước Viên và Nghị định thư Montreal đã chứng minh cho điều này.